

Số: 105 /BVP-TCHC

Hải Phòng, ngày 13 tháng 3 năm 2020

V/v công bố Bệnh viện Phổi là cơ sở khám bệnh,
chữa bệnh đáp ứng là cơ sở thực hành trong
đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Hải Phòng.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Phổi Hải Phòng

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 06/2014/HP-GPHĐ, do Sở
Y tế thành phố Hải Phòng cấp ngày 04 tháng 3 năm 2020.

Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08

Địa chỉ: Số 568 đường Trần Tất Văn, Tràng Minh, Kiến An, Hải Phòng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ths. Bs CKII Mạc Huy Tuấn

Điện thoại liên hệ: 0225.3.876.230

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của
Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức
khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với
các nội dung sau đây:

1. Chuyên ngành Lao và bệnh phổi đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)
2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 2)
5. Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa, phòng: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 2).
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 3)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Bản công bố này thay thế bản công bố số 297/BVL&BP-TCHC ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc công Bệnh viện Lao và bệnh Phổi là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng chữa bệnh đáp ứng là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe. (Tài liệu gửi kèm theo bản công bố)

Kính đề nghị Quý sở xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Bệnh viện xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.



Mạc Huy Tuấn

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(tại một thời điểm)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cấp ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường bệnh tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường bệnh	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 62.72.20.05 CK)	CKII	Nội hô hấp	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng: Bệnh màng phổi; Bệnh phổi mạn tính; Bệnh nhiễm trùng phổi cấp tính.	Khoa Nội III	1	5	2	6	0	5
						Khoa Nội I	1	5	2	6	0	5



Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 607224 CK)	CKI	Lao và bệnh Phổi	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng: Bệnh học người lớn, Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em, bệnh học Phổi ngoài lao, Bệnh Phổi hiếm gặp và chương trình CLQG	Khoa Nội II	1	5	2	6	0	5
					Khoa Nội III	1	5	2	6	0	5

Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 7720101)	Đại học	Y đa khoa	Lao và bệnh phổi	Thăm khám bệnh; Triệu trứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Nội II	1	10	5	15	0	10
					Khoa Nội III	1	10	5	15	0	10
					Khoa Cấp cứu -HSTC&CĐ	1	10	5	15	0	10
					Khoa Nội I	1	10	5	15	0	10
					Khoa Nội V	1	10	5	15	0	10
					Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	10	5	15	0	10
4											

Thực hành lâm sàng, thực tập vi trùng lao	Thực hành lâm sàng, thực tập vi trùng lao	Khoa Nội II	1	10	5	15	0	10
		Khoa Nội III	1	10	5	15	0	10
		Khoa Cấp cứu-HSTC&CD	1	10	5	15	0	10
		Khoa Nội I	1	10	5	15	0	10
		Khoa Nội V	1	10	5	15	0	10
		Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	10	5	15	0	10
		Khoa Xét nghiệm	2	20			0	20
Y học dự phòng								
Đại học								
Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 7720110)								
5								

Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 7720301)	Đại học	Điều dưỡng	Lao và bệnh phổi	Thực hành chăm sóc bệnh nhân	Khoa Nội II	1	10	4	12	0	10
					Khoa Nội III	1	10	4	12	0	10
					Khoa Cấp cứu-HSTC&CĐ	1	10	4	12	0	10
					Khoa Nội I	1	10	4	12	0	10
					Khoa Nội V	1	10	4	12	0	10
					Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	10	4	12	0	10

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG
GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Học phần: CKII Nội hô hấp/ CKII Lao và bệnh Phổi/ CKI Lao và bệnh Phổi/
Y đa khoa/ Y học dự phòng/ Đại học điều dưỡng)

I. Đào tạo chuyên khoa II Nội hô hấp

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường bệnh đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Đức Thọ	Tiến sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội	0026168/BYT-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6	CKII Nội hô hấp: Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Nội III	2
2	Vũ Ngọc Trường	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội	003946/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Nội I	2



II. Đào tạo chuyên khoa II Lao và bệnh Phổi

3	Đàm Quang Sơn	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội	006714 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6	CKII Lao và bệnh Phổi	Thực hành lâm sàng	Khoa Nội II	2
4	Lê Đức Nguyên	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội	003945 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Nội V	2

III. Đào tạo chuyên khoa I Lao và bệnh Phổi

5	Nguyễn Thị Trang	Thạc sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội	009780 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	3	CKI Lao và bệnh Phổi	Thực hành lâm sàng; Bệnh học lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh Phổi trẻ em; Bệnh học phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và chương trình CLQG	Khoa Nội II	2
6	Bùi Tiến Viễn	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp	002228 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp	7			Khoa Nội III	2

IV.Đào tạo Y đa khoa

7	Trương Thành Kiên	Thạc sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp	006343 /HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	6	Y đa khoa	Lao và bệnh Phổi: Thực hành thăm khám bệnh và triệu chứng đưa ra phương pháp chẩn đoán.	Khoa Nội II	5
8	Nguyễn Thị Thơ	BS CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	003943 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Nội III	5
9	Bùi Hải Hà	Bác sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội	009681 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	3			Khoa Cấp cứu - HSTC&CD	5
10	Đinh Thị Tâm	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	005336 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Nội I	5
11	Phùng Thị Huyền	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	003460 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Nội V	5
12	Nguyễn Tuấn Anh	ThS. Bác sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội	001478 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	3			Khoa Điều trị theo yêu cầu	5

V. Đào tạo Y học dự Phòng

13	Phạm Trung Kiên	BS. CKI	KB, CB Nội khoa	005339 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	6	Y học dự Phòng	Thực hành lâm sàng, thực tập vi trùng lao	Khoa Nội II	5
14	Đặng Thị Huệ	BS. CKI	KB, CB Nội khoa	005679 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	6			Khoa Nội III	5
15	Dương Anh Tuấn	Bác sỹ	KB, CB chuyên khoa Nội	000144 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	3			Khoa Cấp cứu - HSTC&CĐ	5
16	Phạm Đức Khanh	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	006354 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Nội I	5
17	Nguyễn Thị Thủy	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	003930 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Nội V	5
18	Đặng Hùng Cường	Bác sỹ CKII	KB, CB chuyên khoa Nội	006137 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6			Khoa Điều trị theo yêu cầu	5
19	Mạc Huy Tuấn	ThS. BSCKII	KB, CB chuyên khoa Nội, Chuyên khoa xét nghiệm, BSCKII	1271/QĐ- SYT; 003466 /HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm, Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	6			Khoa xét nghiệm	
20	Phạm Văn Quang	Ths. Cn chuyên khoa xét nghiệm	Chuyên khoa xét nghiệm	005344 /HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm,					

VI. Đào tạo Đại học Điều dưỡng

21	Phạm Đức Tứ	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005359 /HP- CCHN	Điều dưỡng	6	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành chăm sóc BN	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc BN	Khoa Nội II	4
22	Lê Quang Cường	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	006347 /HP- CCHN	Điều dưỡng	6			Khoa Nội III	4
23	Trần Thị Thanh Loan	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005681 /HP- CCHN	Điều dưỡng	6			Khoa Cấp cứu - HSTC&CD	4
24	Vũ Thị Hoa	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005353 /HP- CCHN	Điều dưỡng	6			Khoa Nội I	4
25	Nguyễn Thị Mai Thơ	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005682 /HP- CCHN	Điều dưỡng	6			Khoa Nội V	4
26	Bùi Thị Hòa	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	003918 /HP- CCHN	Điều dưỡng	6			Khoa Điều trị theo yêu cầu	4

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học/ giảng đường (kèm theo bảng viết, màn chiếu, âm thanh máy tính, laptop...)	03	
2	Phòng sinh viên	01	
3	Phòng giảng viên	05	
4	Thư viện	01	
5	Máy siêu âm đen trắng	01	
6	Máy siêu âm màu	01	
7	Máy siêu âm tổng quát 2 đầu dò	01	
8	Máy điện tim 3 cần	02	
9	Máy thở chức năng cao	01	
10	Máy hút đờm, dịch	02	
11	Máy xét nghiệm	01	
12	Máy nuôi cấy kháng sinh đồ	01	
13	Máy phân tích huyết học	02	
14	Máy xét nghiệm nước tiểu	02	
15	Máy xét nghiệm sinh hóa	02	
16	Máy phân tích miễn dịch huỳnh quang	01	
17	Dàn Elisa bán tự động	01	
18	Máy Gene Xpert	02	
19	Máy li tâm	04	
20	Máy lắc đờm	02	
21	Máy sấy lam kính	01	



22	Hote vô trùng	02	
23	Tủ an toàn sinh học	03	
24	Tủ âm, sấy	08	
25	Nồi hấp	05	
26	Bàn sấy tiêu bản	01	

